CHUYÊN ĐỀ
Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Kết luận số 23-KL/TU ngày 15/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá X, Uỷ ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) Xây dựng nông thôn mới (NTM), Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp (TCCNN) giai đoạn 2016 - 2020.

Đồng Tháp là tỉnh đi đầu trong việc chủ động nghiên cứu, xây dựng và ban hành Đề án TCCNN. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh chỉ đạo, Uỷ ban nhân dân Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM và TCCNN giai đoạn 2016 - 2020 *(gọi tắt là Ban Chỉ đạo)*, mời Bí thư Tỉnh uỷ làm Trưởng Ban và Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã cũng được kiện toàn theo mô hình này. Các ngành, thành viên Ban Chỉ đạo căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị, lồng ghép với Chương trình MTQG xây dựng NTM, TCCNN thuộc các lĩnh vực phụ trách.

Nhìn chung, qua triển khai và quán triệt cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong thực hiện xây dựng NTM, Đề án TCCNN, nhất là nhận thức được tầm quan trọng của việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp phụ trách triển khai Đề án, Chương trình đã tích cực tìm hiểu, nghiên cứu và định hướng nội dung thực hiện cụ thể.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

*** Trong giai đoạn 2016 - 2020:**

- **27/27** xã được công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2011 - 2015 đều thực hiện duy trì, nâng chất, đồng thời phát huy có hiệu quả các tiêu chí xây dựng NTM trong giai đoạn 2016 - 2020, cơ bản đạt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020, trên địa bàn Tỉnh chưa có xã đạt chuẩn NTM nâng cao[1], hiện trạng hạ tầng giao thông nông thôn một số nơi đã xuống

---

[1] Các tiêu chí chưa đạt gồm: tiêu chí về thu nhập, giao thông nông thôn, cảnh quan- môi trường, sản xuất và tổ chức lại sản xuất, trường học, giáo dục.

cấp, chưa được bảo dưỡng kịp thời, môi trường - cảnh quan nông thôn chưa thật sự nổi bật, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế thiếu ổn định; một số địa phương chưa duy trì tiêu chí về tổ chức sản xuất,....

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân: đạt **1,62%/năm** *(vượt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là 1,5%/năm).*

- Tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp trong giai đoạn là **3,57%**[2] *(không đạt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là 7%).* Đến năm 2020, tỷ trọng khu vực nông - lâm - thuỷ sản chiếm **34,54%** *(năm 2015 là 39,9%)* trong cơ cấu kinh tế của tỉnh[3]. Quan điểm nhất quán là xây dựng các chuỗi ngành hàng chủ lực, dựa trên các yếu tố cốt lõi là "Hợp tác - Liên kết - Thị trường" và "Giảm chi phí - Tăng chất lượng - Chế biến tinh". Nội dung của Đề án TCCNN mang tính thực tiễn, lấy tư tưởng phát triển chuỗi ngành hàng làm chủ đạo, đã xác định rõ 5 ngành hàng chủ lực *(lúa gạo, xoài, hoa kiểng, cá tra và vịt)* dựa trên lợi thế so sánh, tiềm năng thị trường để tập trung phát triển:

+ Giá trị sản xuất (GTSX) ngành hàng lúa gạo đến năm 2020 đạt 15.724 tỷ đồng *(tăng 1,77% so với năm 2015, tương ứng 273,2 tỷ đồng),* chiếm 35,66% tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp *(giảm 6,56% so với năm 2015).* Đổi mới phương thức canh tác theo hướng bền vững và giảm chi phí, áp dụng biện pháp kỹ thuật tiên tiến, giúp lợi nhuận tăng 12,9 - 28,69 triệu đồng/ha[4]. Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm có sự tham gia của 67 hợp tác xã (HTX), 82 tổ hợp tác (THT), 01 hội quán và 40 doanh nghiệp. Phát triển chế biến sâu các sản phẩm sau gạo mang lại giá trị gia tăng cao. Xây dựng thương hiệu, kết nối và phân phối vào các hệ thống bán lẻ lớn trong cả nước như: Co.opmart, Big C, Satra, Tứ Sơn, Vinmart, Lotte, Aeon,…

+ GTSX ngành hàng xoài đến năm 2020 đạt 2.009 tỷ đồng *(tăng 28,2% so năm 2015, tương ứng giá trị 442,4 tỷ đồng),* chiếm 4,65% tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp *(tăng 0,27% so với năm 2015).* Áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch và chế biến đã nâng cao năng suất, chất lượng xoài tươi, các sản phẩm giá trị gia tăng từ xoài giúp lợi nhuận chuỗi tăng 30-40%[5]. Toàn tỉnh có 10 HTX, 43 THT và 28 hội quán nông dân tham gia sản xuất xoài. Sản phẩm đạt chứng nhận nhãn hiệu "Xoài Cát Chu Cao Lãnh và Xoài Cao Lãnh" và chỉ dẫn địa lý "Cao Lãnh" cho sản phẩm xoài; có 158,35 ha sản xuất xoài theo hướng GAP[6]; cấp 117 mã vùng tương ứng diện tích 5.214,84 ha đáp ứng yêu cầu xuất khẩu cho các thị trường khó tính và thị trường chủ yếu Trung Quốc; ứng dụng công nghệ Blockchain để truy xuất nguồn gốc[7].

---

[2] Báo cáo số 03/BC-UBND của UBND Tỉnh ngày 08/01/2021

[3] Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Tỉnh.

[4] So sánh vụ Đông Xuân 2014 - 2015 và vụ Đông Xuân 2019 - 2020, tăng 34,8% đối với nhóm lúa thường, 52,5% đối với nhóm lúa chất lượng cao.

[5] Giá bán xoài rải vụ cao hơn từ 25.000 - 30.000 đồng/kg đối với xoài cát hòa lộc, từ 8.000 - 12.000 đồng/kg đôi với xoài cát chu, lợi nhuận xoài Hòa Lộc là 180 triệu đồng/ha, xoài Cát chu là 120 triệu đồng/ha.

[6] Có 145,14 ha đạt chứng nhận VietGap và chỉ có 13,2 ha của HTX Tân Thuận Tây đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

[7] mô hình thương mại điện tử "Mô hình cây xoài nhà tôi". Ngoài ra, đến nay trên toàn Tỉnh đã có 45 mã vùng, với 988 ha xoài (thị trường Hoa Kỳ, Canada, Nga, Úc, EU, Hàn Quốc, Nhật) và 72 mã vùng, với 4.226,84ha (thị trường Trung Quốc)

+ GTSX hoa kiểng đến năm 2020 đạt 4.656 tỷ đồng *(tăng 3.472 tỷ đồng, tương ứng 293% so với 2015),* chiếm 10,56% tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp *(tăng 7,32% so với năm 2015),* lợi nhuận bình quân hằng năm đạt từ 300 - 500 triệu đồng/ha. Thành lập 04 HTX, 27 THT, 11 hội quán tạo được sự kết nối giữa nông dân và doanh nghiệp, gắn với phát triển du lịch, đặc biệt các mô hình du lịch trải nghiệm tại Làng hoa Sa Đéc. Sự phát triển của ngành hàng hoa kiểng đã thật sự lan tỏa đến các địa phương khác giúp người dân có lợi nhuận cao hơn trên một đơn vị diện tích trồng trọt. Qua đó, ngành hàng hoa kiểng được nhiều doanh nghiệp[8] quan tâm đến đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ,...

+ GTSX ngành hàng cá tra đến năm 2020 đạt 7.419,9 tỷ đồng *(tăng 13,8% so với năm 2015, tương ứng 898 tỷ đồng),* chiếm 16,83 % tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp *(giảm 0,99% so với năm 2015)*. Áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến và quản lý chất lượng hiệu quả *(VietGAP, Global GAP, ASC và tương đương*), giúp lợi nhuận thu được bình quân hằng năm đạt hơn 500 triệu đồng/ha; cấp 368 mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm (*1.509,2 ha)* để truy xuất nguồn gốc. Phát triển chuỗi liên kết sản xuất và chế biến xuất khẩu gồm 20 doanh nghiệp chế biến (*chiếm khoảng 60% diện tích nuôi*), 02 doanh nghiệp nuôi, 02 HTX, 01 THT và 01 hội quán hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ ngành hàng cá tra; có đến 96% sản phẩm từ cá tra được xuất đi các thị trường quốc tế (*khoảng 134 quốc gia, vùng, lãnh thổ*), gồm 02 nhóm chính: dòng sản phẩm sơ chế và dòng sản phẩm giá trị gia tăng.

+ GTSX ngành hàng vịt năm 2020 đạt 721,7 tỷ đồng *(tăng 31,9% so năm 2015, tương đương 174,4 tỷ đồng),* chiếm 1,64% tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp *(tăng 0,14% so với năm 2015)*. Tập trung thay đổi tập quán sản xuất từ nuôi vịt chạy đồng nhiều rủi ro sang nuôi nhốt, cho thấy hiệu quả kinh tế cao hơn nhưng lợi nhuận những năm gần đây không ổn định và mô hình chưa được duy trì bền vững là do chưa liên kết chuỗi bền vững và giá trứng vịt bấp bênh[9]. Năm 2018 cơ sở Út Mới đạt chuẩn GAP, được cấp mã truy xuất nguồn gốc khi vào thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

*** Đến năm 2020:**

- Chuyển dịch cơ cấu lao động: tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp là **49,3%** *(đạt so với chỉ tiêu còn dưới 50% của Đề án và Kết luận số 23-KL/TU)*. Thu nhập của dân cư nông thôn: thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn năm 2020 đạt **47,02 triệu đồng/người**[10], gấp **1,575** lần so với năm 2015[11] *(không đạt chỉ tiêu tăng gấp 2 lần năm 2015 của Kết luận số 23-KL/TU)*.

- Về đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM: Có **03** đơn vị hoàn thành nhiệm vụ NTM *(thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh và thành phố Hồng Ngự)*, **01** huyện *(Tháp Mười)* đạt chuẩn NTM *(vượt 02 đơn vị so với chỉ tiêu của Kết luận*

---

[8] như: Công ty ứng dụng công nghệ sinh học Lan Anh, Công ty Cây xanh Sa Đéc, Trung tâm thương mại hoa kiểng thuộc Công ty TNHH Công Minh Cây Xanh.

[9] Nếu giá trứng vịt thấp hơn 1.800đ/trứng thì hộ nuôi sẽ bị lỗ.

[10] Số liệu Cục Thống kê Tỉnh cung cấp.

[11] Năm 2015, thu nhập bình quân người dân nông thôn đạt 29,86 triệu đồng/người/năm.

số 23-KL/TU là có 02 đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn). Toàn Tỉnh có **97/115** xã đạt chuẩn NTM, đạt **84,35%** *(đạt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là 50% số xã đạt chuẩn)*; số tiêu chí bình quân đạt **18,5** tiêu chí/xã *(đạt và vượt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là 17 tiêu chí/xã)*; riêng 8 xã còn lại đạt từ 14 - 18 tiêu chí *(đạt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là không còn xã đạt dưới 13 tiêu chí)*. Có **100%** hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh *(đạt và vượt so với chỉ tiêu của Kết luận 23-KL/TU là 97,5%)*.

- Thu nhập bình quân hộ nghèo cuối năm 2020 tăng **2,01 lần** so năm 2015[12] *(vượt so với chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU là tăng gấp 2 lần)*.

Ngoài ra, Tỉnh đã khởi động triển khai khá thành công Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với **161** sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao và 4 sao[13] vào cuối năm 2020 *(đứng đầu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đứng hàng thứ **ba** của cả nước)*, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm bản địa, cải thiện thu nhập cho người dân.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng NTM gắn với TCCNN luôn được cấp uỷ, chính quyền quan tâm, thực hiện thường xuyên, rộng khắp. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ thường xuyên tổ chức các hội nghị triển khai nhằm quán triệt cho cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, tổ chức các hội thi báo cáo viên, tuyên truyền tìm hiểu các nội dung của chương trình, đề án[14]. Các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng phát huy tích cực vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động; đặc biệt là thực hiện mạnh mẽ cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"[15]. Riêng các sở, ngành tỉnh đã lồng ghép nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án vào kế hoạch của ngành, gắn kết tuyên truyền xây dựng NTM với các chương trình, dự án, phong trào, hoạt động hàng năm[16]. Qua đó, làm thay đổi nhận thức của người nông dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM gắn với

---

[12] Năm 2015 là 711.795 đồng, năm 2020 là 1.430.708 đồng.

[13] Trong đó có 57 sản phẩm đạt 4 sao và 104 sản phẩm đạt 03 sao. Đặc biệt, có 03 sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn đạt hạng 3 sao đầu tiên và 04 sản phẩm OCOP tiềm năng để đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp Quốc gia xét công nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao.

[14] Tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X với **400** cán bộ chủ chốt tham dự. Tổ chức **382** hội nghị, với **31.872** đảng viên tham dự, đạt tỷ lệ **97,4%** so với tổng số đảng viên trong toàn Tỉnh. Ngoài ra, các cấp uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai trong quần chúng cốt cán được **514** cuộc với **41.955** người dự (trong đó, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Tỉnh mở **02** lớp cho **1.450** trí thức chưa là đảng viên).

[15] Nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo được hình thành, nhân rộng và phát triển, như: mô hình xây dựng điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi xã NTM, cụm dân xanh - an toàn, biến bãi rác thành vườn hoa của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Tỉnh; mô hình Chi hội Nông dân "Nhà sạch, Đường sạch, Đồng ruộng sạch" của Hội Nông dân Tỉnh; mô hình "Đoạn đường 3 sạch", mô hình "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" của Hội Phụ nữ tỉnh; mô hình tổ thu gom rác thải của Hội Cựu Chiến binh, …

[16] Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào dân vận khéo, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hoạt động xây dựng cầu, đường NTM, dự án Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, chương trình Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển nhà ở nông thôn, nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập, chương trình mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn,...

TCCNN[17]. Từ chỗ thụ động, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, hiện nay, người dân đã nhận thức được rằng đây là những nhiệm vụ chính của Nhân dân với sự hỗ trợ của các cấp, các ngành thông qua các mô hình, phần việc cụ thể tại địa phương[18].

2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, sự quản lý của chính quyền, sự phối hợp của đoàn thể, chú trọng vai trò chủ thể của Nhân dân

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM và TCCNN cấp huyện, xã, ấp đều được kiện toàn do bí thư Đảng uỷ các cấp làm Trưởng ban. Đây chính là sự đổi mới mạnh mẽ trong quản lý, điều hành Chương trình các cấp dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ đảng các cấp. UBND Tỉnh đã kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện, cụ thể hóa Kết luận của Tỉnh uỷ; tập trung định hướng phát triển các ngành hàng chủ lực địa phương trong TCCNN, thực hiện đổi mới trong phát triển kinh tế tập thể, HTX, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung kiến thức cho nông dân, để người nông dân kịp thời tiếp cận các chính sách, thích ứng với những biến động của thị trường và những thay đổi không ngừng của chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện chương trình NTM ở các cấp, với sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh đã triển khai, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM đúng quy định, làm cơ sở xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM thực chất. Quy chế dân chủ ở cơ sở tiếp tục được triển khai thực hiện tốt, vai trò chủ thể của người dân được phát huy, thể hiện qua việc tham gia các công trình, phần việc tại cộng đồng dân cư theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" với các hình thức họp dân, tiếp xúc cử tri, hoạt động ngày vì cộng đồng,...

2.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư thông qua các giải pháp tăng cường huy động nguồn lực xã hội gắn với tái cơ cấu đầu tư công; ưu tiên đầu tư các chương trình trọng điểm về hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng NTM, phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế và phục vụ tốt hơn đời sống Nhân dân[19]; đặc biệt đã hình thành các thiết chế văn

---

[17] Theo khảo sát đánh giá của Ban tuyên giáo: "91,7% người dân biết về Đề án TCCNN, trong đó phần lớn người dân hiểu đúng về mục tiêu TCCNN như : 82,2% cho rằng mục tiêu TCCNN là đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, nâng cao trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho nông dân, 55,3% cho rằng mục tiêu là tạo sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao và 42,95% là bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng NTM. Đa số người dân tham gia tích cực với tinh thần trách nhiệm khi tham gia đề án. Cụ thể là: 73% cho rằng phải tăng cường liên kết để hạ thấp chi phí đầu vào và tăng giá trị đầu ra của phản phẩm, nâng cao thu nhập và 47,1% tự học hỏi và mạnh dạn ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm làm ra".

[18] Mô hình cộng đồng dân cư quản lý xây dựng NTM theo phương châm "3 Tự, 1 Nhờ"; Mô hình "Hội quán"; Mô hình sổ tay hộ gia đình thi đua "Chung sức xây dựng xây dưng nông thôn mới ; Mô hình nhà nước cấp vật tư, người dân đóng góp ngày công lao động trong xây dựng cầu đường nông thôn; mô hình tổ nhân dân tự quản, mô hình "Ngày vì cộng động" của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh.

[19] Giai đoạn 2016 - 2020, tổng vốn đã bố trí hỗ trợ đầu tư khoảng 6.848 tỷ đồng , để thực hiện hàng ngàn công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, thuỷ lợi, trường học, chợ, cơ sở vật chất văn hóa, cải tạo, sửa chữa đường dây điện,..., Hiện toàn Tỉnh đã có **111/115 xã** đạt tiêu chí Giao thông, đạt tỷ lệ 96,52%, tăng 42,74% số xã so

hóa cấp xã, ấp; gắn kết, lồng ghép nhiều hoạt động văn hóa, thể thao phát huy tốt hiệu quả hoạt động của các thiết chế này, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí của người dân.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Xác định "khoa học và công nghệ là chìa khóa của thành công", nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, như mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn 3G3T, 1P5G, SRP, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất (1 chạm - 5 biết, sử dụng phân bón thông minh, bẫy đèn thông minh, mô hình phun thuốc bằng máy bay không người lái, mô hình Ruộng nhà mình); sản xuất xoài rải vụ theo hướng an toàn; thương mại điện tử trong kinh doanh nông sản: mô hình Cây xoài nhà tôi, Cây Cam vườn tôi; mô hình trồng rau thuỷ canh kết hợp nuôi cá - Aquaponics, ứng dụng công nghệ sinh học cấy mô trên cây hoa kiểng, phát triển các sản phẩm collagen và gelatin chiết xuất từ da cá tra; sản xuất tinh luyện dầu cá, sản xuất thức ăn chăn nuôi thuỷ sản từ phụ phẩm da và xương cá tra; chiết xuất tinh chất dầu cám, dầu gấc, dầu sả, dầu quýt...; đầu tư sản xuất phân bón hữu cơ từ trùn quế, sản xuất lúa hữu cơ, cây ăn trái hữu cơ, sản xuất dưa lưới trong nhà lưới của Công ty Cổ phần Ecofarm Đồng Tháp...

Đăng ký xác lập quyền *(bảo hộ)* nhãn hiệu cho 19 loại nông sản chủ lực, đặc thù của Tỉnh, nổi bật là chứng nhận chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm xoài Cao Lãnh[20]; thực hiện truy xuất nguồn gốc một số nông sản chủ lực như xoài, nhãn. Kịp thời triển khai các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi nhằm đẩy mạnh cơ giới hóa cho nông dân và HTX, đã góp phần thúc đẩy quá trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp[21].

Nhờ ứng dụng khoa học công nghệ và chủ động phát triển thị trường, hoạt động xuất khẩu tăng trưởng tốt, giá trị xuất khẩu hàng hoá năm 2020 ước đạt trên 1,15 tỷ USD (tăng bình quân 8,22%/năm)[22] trong đó gạo và thuỷ sản chiếm hơn 80% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh; nông sản của tỉnh đã tiếp cận thêm được các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU (trong đó, ngành hàng cá tra luôn duy trì ổn định đối với thị trường Hoa kỳ và EU trong nhiều năm qua). Duy trì các hoạt động thương mại tại các thị trường miền Nam và phát triển thị trường miền Bắc.

2.5. Thực hiện có hiệu quả việc chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp

---

với năm 2015; có **100%** xã đạt nhóm các tiêu chí về Thuỷ lợi (tăng 1,68% xã so với năm 2015), Điện (tăng 5,88% xã so với năm 2015), Trường học (tăng 54,62% xã so với năm 2015), Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tăng 26,05% xã so với năm 2015), Thông tin và Truyền thông. Thiết chế văn hóa cấp xã được quan tâm đầu tư, phát huy hiệu quả hoạt động, có **101/115** xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, đạt tỷ lệ 87,83% (tăng 59,26% xã so với năm 2015).

[20] Gồm: Nhãn Châu Thành; Khoai Môn Mỹ An Hưng; Kiệu Hội An Đông (H. Lấp Vò); Sen Tháp Mười; Làng Hoa - Kiểng Sa Đéc; Hủ Tiếu Sa Đéc; Xoài Cát Chu Cao Lãnh; Xoài Cao Lãnh; Chanh Cao Lãnh; Cá Điêu Hồng Bình Thạnh (H. Cao Lãnh); Quýt Hồng Lai Vung; Cam Soàn Lai Vung; Quýt Đường Lai Vung; Ớt Thanh Bình; Khô Cá Lóc Tràm Chim; Kiệu Phú Hiệp; Khô Phú Thọ (H. Tam Nông); Hồng Ngự - Rau củ quả an toàn; Cá Tra Giống Hồng Ngự.

[21] Đến năm 2020, dư nợ cho vay ứng dụng cơ giới hoá đạt 111,24 tỷ đồng với 210 máy gặt đập liên hợp, 202 máy cày, 64 máy kéo thu hoạch, 58 máy xới và 35 máy móc, thiết bị khác.

[22] Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 08/01/2021

Tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, đào tạo nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cho lao động, góp phần tạo việc làm cho lao động nông thôn; tiếp tục cải thiện chất lượng, hiệu quả hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng liên kết, liên thông, bảo đảm sử dụng đồng bộ, hiệu quả nguồn lực trong đào tạo. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.

Hàng năm, Tỉnh tổ chức thường xuyên các phiên giao dịch việc làm, giải quyết việc làm. Từ năm 2016 đến nay, toàn Tỉnh đã có 209.304 lao động được tạo việc làm; trong đó lao động làm việc trong tỉnh là 57.043 người. Công tác đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài phát triển mạnh mẽ, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động *(mức thu nhập bình quân từ 15 - 27 triệu đồng/người/tháng)*, đồng thời giúp giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 49,3% trong tổng số lao động xã hội.

Song song đó, công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho các Hội quán và HTX được Tỉnh quan tâm và đặc biệt chú trọng vào đối tượng là nông dân. Từ đó, từng bước được đào tạo và hỗ trợ chuyển tư duy, kỹ năng từ "Sản xuất nông nghiệp" sang "Kinh tế nông nghiệp", hình thành đội ngũ "Nông dân chuyên nghiệp" tiên phong, uy tín.

2.6. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, dự án

Tỉnh đã triển khai, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách phát triển địa phương, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với sản phẩm khởi nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần hoàn thành các tiêu chí NTM. Đặc biệt trong những năm qua, Tỉnh đã xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù trong xây dựng NTM như: Quy chế thực hiện phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn[23]; cơ chế hỗ trợ đối với xã điểm, huyện điểm giai đoạn 2016 - 2020; cơ chế nhà nước cấp vật tư, người dân đóng góp ngày công lao động hướng đến phát triển tinh thần cộng đồng, tự lực, chăm chỉ, hợp tác của người dân.

Mặt khác, Tỉnh đã sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ, vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng thuỷ lợi nội đồng; các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp như: mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo cánh đồng lớn và hỗ trợ san bằng đồng ruộng; chính sách thu hút đầu tư tư nhân; chính sách tạm trữ lúa gạo; chính sách đầu tư công; chính sách tích tụ tập trung đất đai, hỗ trợ cơ giới hóa và cho vay phát triển các ngành hàng tiềm năng; chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh; chính sách khởi nghiệp, giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài,...

Bên cạnh đó, Tỉnh không ngừng thực hiện cải cách hành chính, nỗ lực tạo lập và duy trì nhiều kênh thông tin để kịp thời lắng nghe, hỗ trợ, tháo gỡ

---

[23] tại Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 của UBND Tỉnh, Nghị quyết số 239/2019/NQHĐND ngày 02/4/2019).

khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, nhằm cải thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Các địa phương đã tập trung phát triển các Câu lạc bộ Thanh niên làm kinh tế, mô hình Hội quán, HTX, THT,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển kinh tế nông nghiệp thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu[24].

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai áp dụng, các chính sách hầu như mang lại hiệu quả chưa như kỳ vọng, có chính sách đến nay vẫn chưa triển khai được *(khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Chính phủ, tỉnh đã cụ thể hoá thành Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 6/12/2018)*. Nguyên nhân dẫn đến tính chưa hiệu quả là do việc xây dựng các chính sách chưa sát với thực tiễn, chính quyền các cấp chưa thật sự quan tâm và chưa triển khai rộng rãi trong nhân dân.

2.7. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường huy động các nguồn lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Với phương châm "Đồng hành cùng doanh nghiệp", thời gian qua, Tỉnh đã nỗ lực tạo lập và duy trì nhiều kênh tiếp nhận thông tin để kịp thời lắng nghe, giải quyết các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động. Từ năm 2016 đến nay, có 75 dự án (chiếm 42% trong tổng số dự án toàn tỉnh) được cấp Giấy chứng nhận đầu tư vào nông nghiệp thuộc các lĩnh vực như: chế biến, bảo quản nông sản, thuỷ sản, chăn nuôi; ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; cấp nước,...Hoạt động khởi nghiệp được quan tâm, thực hiện đạt nhiều kết quả.

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư thông qua các giải pháp tăng cường huy động nguồn lực xã hội gắn với tái cơ cấu đầu tư công. Số vốn phân bổ cho lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm với mục đích: thúc đẩy mạnh mẽ quá trình TCCNN[25], phòng chống sạt lở bờ sông, bảo vệ dân cư, từng bước hoàn chỉnh hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, hoàn chỉnh hạ tầng cụm tuyến dân cư. Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của Đồng Tháp duy trì ổn định trong nhóm 3 vị trí đầu, từ 428 doanh nghiệp năm 2016 lên 601 doanh nghiệp năm 2020.

Đến năm 2020, dư nợ cho vay ứng dụng cơ giới hoá đạt 111,24 tỷ đồng với 210 máy gặt đập liên hợp, 202 máy cày, 64 máy kéo thu hoạch, 58 máy xới và 35 máy móc, thiết bị khác, đã góp phần thúc đẩy quá trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Hàng năm, Tỉnh bố trí ngân sách địa phương từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và xổ số kiến thiết để đầu tư các công trình thuộc chương trình[26]. Ngoài ra, phát huy mạnh mẽ hiệu quả nguồn lực lớn từ vốn tín dụng, vào phát triển nông

---

[24] Hiện tại có **119/119** xã có mô hình Câu lạc bộ Thanh niên làm kinh tế, nâng tổng số lên **134** câu lạc bộ.

[25] (như dự án VnSAT, Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười)

[26] thực hiện đúng quy định là bố trí tối thiểu 10% (cụ thể đã phân bổ cho Chương trình là 685,845 tỷ đồng từ nguồn xổ số kiến thiết , chiếm tỷ lệ 10,16%).

nghiệp, nông thôn; tranh thủ sự ủng hộ, đóng góp của các doanh nghiệp, mạnh thường quân,...[27] để xây dựng NTM. Tỉnh đã bố trí đầy đủ, đồng bộ và kịp thời nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, bảo đảm nguồn vốn đầy đủ cho các hộ nghèo có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, cải thiện điều kiện sinh hoạt, tăng thu nhập và tự thoát nghèo. Đồng thời, sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ trong sản xuất nông nghiệp, phát triển hạ tầng nông nghiệp và sinh kế người dân vùng nông thôn thông qua các mô hình, dự án[28] tại địa phương.

2.8. Nâng cao tinh thần tự lực, hợp tác, liên kết trong mọi mặt

Từ gắn kết, xây dựng NTM của Tỉnh đã thừa hưởng những thành quả tích cực của Đề án TCCNN trong những năm qua[29], chuyển dần từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Mặt khác, Tỉnh còn chú trọng thúc đẩy "tinh thần hợp tác" trong nông dân, với sự ra đời của mô hình Hội quán hoạt động gắn với từng ngành hàng, ngành nghề đặc trưng của địa phương cũng như đóng vai trò tập hợp nhân dân cùng ngồi lại bàn chuyện hợp tác sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội phát sinh trong quá trình xây dựng NTM tại địa phương, tạo được xu hướng mới trong hợp tác sản xuất, làm nền tảng để phát triển và nâng cao chất lượng kinh tế tập thể, hình thành HTX từ nền tảng mô hình này[30]. Mô hình hội quán cũng được chọn làm mô hình tiêu biểu để Hội đồng lý luận Trung ương chọn làm đề tài "tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về mô hình Hội quán" để nhân rộng cả nước. Ngoài ra còn phát triển mô hình "3 tự - 1 nhờ", mô hình tổ giám sát cộng đồng trong xây dựng công trình nông thôn, mô hình nhà nước cấp vật tư, mô hình cộng đồng bảo vệ môi trường...

Đến nay, đã có 178 HTX nông nghiệp (trong đó có 27 HTX được thành lập từ Hội quán); 934 THT, 106 trang trại *(theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT)* đang hoạt động có hiệu quả. Doanh thu bình quân 01 HTX nông nghiệp là 2.070 triệu đồng (tăng 565 triệu đồng), lợi nhuận bình quân 01 HTX nông nghiệp là 254 triệu đồng, thu nhập bình quân của 01 lao động thường xuyên là 48 triệu đồng/năm. Một số HTX có cách làm mới như sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, mô hình xây dựng niềm tin với khách hàng (mô hình Ruộng nhà mình, Cây Xoài nhà tôi, Cây Cam vườn tôi); mô hình du lịch nông nghiệp,...

Phát triển mạnh các mô hình du lịch nông nghiệp cộng đồng và trải nghiệm được chuyên môn hóa như: Du lịch Làng hoa Sa Đéc, Mô hình tham quan vườn cam quýt ở huyện Lai Vung, Mô hình cộng đồng "Đồng sen Tháp Mười", Làng

---

[27] Trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh đã huy động hơn 28.150 tỷ đồng để thực hiện Chương trình xây dựng NTM , trong đó: Vốn huy động từ doanh nghiệp gần 903 tỷ đồng, huy động từ cộng đồng dân cư và vốn khác 1.077 tỷ đồng và vốn tín dụng trên 26.170 tỷ đồng (bình quân dư nợ cho vay hàng năm).

[28] Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT), Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười, Dự án tăng cường năng lực cung ứng rau quả thông qua ứng dụng công nghệ trong chuỗi giá trị và nhiều dự án khác.

[29] với kinh tế nông nghiệp tăng trưởng bình quân hằng năm 3,57%, góp phần đưa thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 47,02 triệu đồng, tăng 57,5% so với năm 2015.

[30] đã có 27 HTX (HTX) kiểu mới được thành lập từ 28 hội quán.

du lịch Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh[31]... Các tổ chức cộng đồng đã phát huy cách tiếp cận "từ dưới lên", là "cầu nối" để tiếp xúc với doanh nghiệp và các chuyên gia tư vấn về kỹ thuật và quản trị sản xuất hoặc phát triển cộng đồng chứ không "Nghĩ thay", "Làm thay" hay "Chỉ đạo" hoạt động của các tổ chức cộng đồng.

2.9. Về giáo dục, văn hóa, y tế, môi trường, Quốc phòng và an ninh trật tự xã hội

Chất lượng giáo dục, văn hóa, y tế không ngừng nâng cao. Hàng năm, các địa phương đều duy trì giữ vững kết quả 100% xã đạt tiêu chí giáo dục; 100% trạm y tế đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, dự phòng về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân địa phương. Bộ phận lớn người dân nhận thức được lợi ích việc tham gia bảo hiểm, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng[32]. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển mạnh, công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình được chú trọng. Môi trường nông thôn được cải tạo, chỉnh trang thông qua nhiều mô hình thiết thực với tiêu chí "An toàn, xanh, sạch, đẹp"[33], nhận thức người dân về môi trường được nâng cao góp phần duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng khu vực phòng thủ; nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Về an ninh và trật tự xã hội nông thôn đã triển khai thực hiện hiệu quả chỉ tiêu về xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên[34]. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh cơ bản được giữ vững ổn định, không để xảy ra đột biến bất ngờ, qua đó góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương[35].

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

- Các mục tiêu, chỉ tiêu về Chương trình MTQG xây dựng NTM, TCCNN cơ bản hoàn thành đúng theo kế hoạch, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân. Các giải pháp đề ra trong Kết luận số 23-KL/TU đã được bám sát thực hiện và mang lại hiệu quả đáng kể, đặc biệt

---

[31] Luỹ kế đến nay có 44 điểm tham quan trải nghiệm vườn trái cây đặc sản, 22 điểm trải nghiệm nông nghiệp và các điểm tham quan cảnh quan sinh thái đồng quê, tham quan trải nghiệm làng nghề, khu vui chơi giải trí miệt vườn…

[32] Đến năm 2020 đạt tỷ lệ 90%, *(tăng 30% so với năm 2015).*

[33] mô hình khu dân cư bảo vệ môi trường của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, mô hình xây dựng điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi xã NTM , cụm dân cư xanh - an toàn , biến bãi rác thành vườn hoa , Đội Thanh niên tình nguyện xây dựng NTM ; mô hình Chi hội Nông dân "Nhà sạch, Đường sạch, Đồng ruộng sạch" của Hội Nông dân tỉnh; mô hình "Đoạn đường 3 sạch" của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, ...

[34] Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự địa bàn nông thôn, kịp thời phát hiện, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp khiếu kiện tại cơ sở. Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; duy trì thực hiện, nhân rộng các mô hình đảm bảo an ninh trật tự hoạt động hiệu quả như mô hình "Gắn, treo biển số điện thoại Công an xã, phường, thị trấn nơi công cộng", "Tổ nhân dân tự quản", "Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người nghiện ma tuý tại cộng đồng;, "Câu lạc bộ người hoàn lương",…Tính đến cuối năm 2020 có 107/115 xã đạt chỉ tiêu 19.2 về "An ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên".

[35] tiếp tục được duy trì, ổn định, có 115/115 số xã đạt tiêu chí An ninh Quốc phòng, 113/115 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 98,26%, tăng 35,24% số xã so với năm 2015.

các nhóm giải pháp này vẫn còn nguyên giá trị để tiếp tục thực hiện cho giai đoạn tiếp theo.

- TCCNN theo định hướng "Hợp tác - Liên kết - Thị trường" và "Giảm chi phí - Tăng chất lượng - Chế biến tinh" thích ứng với biến đổi khí hậu tạo chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của nông dân, chuyển đổi từ tư duy "Sản xuất nông nghiệp" sang "Kinh tế nông nghiệp"; cơ cấu nội ngành nông nghiệp được chuyển đổi theo hướng gia tăng tỷ trọng những sản phẩm có giá trị phù hợp xu thế người tiêu dùng *(lúa, cá tra, trái cây, hoa kiểng, rau, củ, quả, sản phẩm chăn nuôi)*. GTSX các ngành hàng chủ lực cũng tăng mạnh trong giai đoạn 2015 - 2020, có thể kể đến như lúa gạo tăng 1,77% *(tương đương 273,2 tỷ đồng)*, xoài tăng 28,2% *(tương đương 442,4 tỷ đồng)*, hoa kiểng tăng 293% *(tương đương 3.472 tỷ đồng)*, vịt tăng 31,9% *(tương đương 721,7 tỷ đồng)*, cá tra tăng 13,8% *(tương đương 898 tỷ đồng)*. Qua đánh giá thực tế có thể thấy, 05 ngành hàng chủ lực của Tỉnh đã phát triển theo định hướng ban đầu, mặc dù có những lúc khó khăn khiến cho kết quả đạt được chưa như kỳ vọng nhưng những ngành hàng này vẫn còn tiềm năng để tập trung phát triển cùng với một số ngành hàng tiềm năng mang tính chủ lực của các địa phương *(sen, thuỷ sản, rau, củ, quả, chăn nuôi)*.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các cấp, các ngành và một số địa phương đã được quan tâm thực hiện thường xuyên; vai trò của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp được phát huy; đổi mới phương thức hoạt động tuyên truyền, hành động thông qua các mô hình hoạt động cụ thể gắn với sinh hoạt người dân, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ và vai trò chủ thể của Nhân dân được tăng cường liên tục và mang lại hiệu quả.

- Đã hình thành được những mô hình theo phương thức sản xuất mới, mang lại hiệu quả. Kinh tế hợp tác từng bước được củng cố, khuyến khích được nhiều cá nhân, tổ chức mạnh dạn thay đổi và áp dụng công nghệ vào sản xuất cũng như triển khai nhiều mô hình kinh tế giá trị cao. Hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, trạm bơm và các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư.

- Ý thức tự lực, hợp tác của người dân, cộng đồng dân cư ngày càng nâng cao rõ nét. Người dân chủ động đổi mới tư duy, tiếp cận khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, vì thế đã xuất hiện nhiều mô hình hay ra đời và phát triển như: thương mại điện tử, cơ giới hoá toàn diện gắn với mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc trong sản xuất *(mô hình "Cây xoài nhà tôi", mô hình "Canh tác lúa thông minh", mô hình "Ruộng nhà mình")*; mô hình "Du lịch cộng đồng"; mô hình "Hội quán cùng nhau làm du lịch",...

- Tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, gắn kết nhiều chương trình, đề án trong xây dựng NTM, TCCNN đạt được một số thành tựu quan trọng, nhận được sự đóng góp của cộng đồng dân cư, các mạnh thường quân, các tổ chức xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân và đây cũng chính là mục tiêu quan trọng nhất.

2. Hạn chế, nguyên nhân

- Tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp và thu nhập bình quân dân cư nông thôn đến năm 2020 chưa đạt theo chỉ tiêu của Kết luận số 23-KL/TU[36]. Tình hình kinh tế - xã hội khu vực nông thôn nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt ở các khu vực biên giới. Thu nhập của người dân nông thôn chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp.

Nguyên nhân chủ quan: Chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu trong khi quá trình TCCNN chưa được đồng bộ trên các lĩnh vực sản xuất ở từng địa phương. Sản xuất chủ yếu vẫn là kinh tế hộ, manh mún, nhỏ lẻ; quan hệ sản xuất đổi mới còn chậm, các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất hình thành chủ yếu là tự phát, hiệu quả chưa thực sự ổn định; kết nối liên vùng còn rời rạc, kết nối thị trường chưa thông suốt, chi phí logistics còn cao. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn nhiều khó khăn; một số cơ chế, chính sách chưa đi vào cuộc sống, chậm được sửa đổi, thiếu nguồn lực để thực hiện. Cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp chưa phổ biến, năng suất lao động, giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, thu nhập của người nông dân còn khoảng cách rất lớn so với khu vực đô thị, đời sống của phần lớn hộ nông dân còn khó khăn. Chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp chưa cao, công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm các mặt hàng nông lâm thuỷ sản và vật tư nông nghiệp còn bất cập. Mặc dù, Đồng Tháp là tỉnh trọng điểm về sản xuất nông nghiệp nhưng vấn đề giống vẫn chưa được quản lý tốt về chất lượng và nguồn gốc cũng như chưa có nhiều giống mới để đáp ứng nhu cầu thị trường. Tư duy, phong cách, lề lối làm việc, tổ chức công việc, nguồn nhân lực chất lượng chưa chuyển đổi nhiều và chưa tương xứng với tình hình chuyển đổi của ngành, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp còn manh mún, chia cắt, khả năng liên kết vùng chưa cao, kết nối tổng thể, liên thông, chưa đáp ứng được đòi hỏi của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Việc tập trung gia tăng sản lượng nông sản trong thời gian dài dẫn đến sử dụng nhiều phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật làm cho tài nguyên đất suy thoái và nguồn nước ô nhiễm; dự báo cung cầu, thị trường còn hạn chế, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch chưa phát triển mạnh.

Nguyên nhân khách quan: Nông nghiệp phát triển chưa ổn định, bền vững, phụ thuộc vào thiên tai, thời tiết, dịch bệnh, thị trường tiêu thụ, trong khi thị trường xuất khẩu ngày càng khó khăn và ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19, nên vẫn còn tình trạng được mùa mất giá, giải cứu nông sản.

- Công tác triển khai và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả chưa gắn kết chặt chẽ trong phối hợp thực hiện để tạo nên phong trào sôi nổi trên địa bàn Tỉnh. *Nguyên nhân chủ quan:* các địa phương thiếu tính chủ động, sáng tạo riêng, chủ yếu trông chờ sự chỉ đạo, hỗ trợ và phát động của các ngành cấp trên. *Nguyên nhân khách quan:* có quá nhiều mô hình riêng lẻ theo phát động của từng cấp, từng ngành, địa phương nhưng thiếu tập trung đầu mối chia sẻ và kết

---

[36] Tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp đến năm 2020 chỉ đạt 3,57%/năm, chỉ tiêu yêu cầu trong giai đoạn là 7%/năm; Thu nhập người dân nông thôn năm 2020 chỉ bằng 1,53 lần năm 2015, chỉ tiêu yêu cầu bằng 2 lần năm 2015.

nối các mô hình với nhau. Mặt khác, các mô hình hầu hết là nông nghiệp, nên thiếu tính bền vững và thường nhỏ lẻ.

- Việc thực hiện chỉ tiêu nâng chất, đồng thời phát huy có hiệu quả các tiêu chí đối với các xã được công nhận NTM trong giai đoạn 2011 - 2015 theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020, NTM nâng cao còn chậm hoặc hiệu quả chưa cao; chưa đạt theo Kết luận số 23-KL/TU. *Nguyên nhân chủ quan:* Một số Ban Chỉ đạo cấp xã chưa chủ động nghiên cứu thực hiện, còn tình trạng trông chờ chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, không chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; thiếu quan tâm chỉ đạo công tác cải tạo cảnh quan môi trường và duy tu các công trình thiết yếu đã xuống cấp, nhất là công trình giao thông nông thôn. *Nguyên nhân khách quan:* Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 có nhiều tiêu chí được bổ sung nội dung, điều chỉnh mức độ đạt cao hơn đòi hỏi các địa phương phải có sự tập trung chỉ đạo thực hiện với sự tham gia tích cực của người dân, cộng đồng[37]. Một số tiêu chí cứng nhắc, chưa phù hợp với thực tế vùng miền nên có hiện tượng chạy theo thành tích, phong trào và dần làm mất đi bộ mặt nông thôn truyền thống.

- Việc xã hội hóa, huy động nguồn lực xây dựng NTM và TCCNN ở nhiều địa phương còn khó khăn nhất là các huyện vùng biên giới. *Nguyên nhân chủ quan:* việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, nhất là xã hội hóa đầu tư hạ tầng thương mại nông thôn, thiết chế văn hóa, cung cấp nước sạch. *Nguyên nhân khách quan:* Thu nhập của người dân nông thôn còn thấp, số đông lao động trẻ nông thôn đi làm việc xa không thể tham gia đóng góp ngày công lao động; phần lớn doanh nghiệp còn e ngại đầu tư, vì lợi ích mang lại chưa cao, trong khi rủi ro trong đầu tư nông nghiệp là rất cao.

- Về môi trường nông thôn tuy có sự cải thiện, nhưng việc duy trì còn nhiều khó khăn, tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ và xử lý ô nhiễm môi trường còn nhiều hạn chế. *Nguyên nhân chủ quan:* Chính quyền địa phương chưa có những giải pháp hiệu quả để khắc phục ô nhiễm môi trường, tạo điều kiện, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người dân; kinh phí khắc phục chủ yếu dựa vào nguồn vốn sự nghiệp môi trường Tỉnh. *Nguyên nhân khách quan:* Phong tục, tập quán, văn hóa và thói quen của một bộ phận dân cư chưa thật sự thay đổi theo hướng tích cực.

Phần thứ 2
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, nhất là các Hiệp định song phương, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), các Hiệp định (CPTTP), (EVFTA), (IPA), (EU) và một số đối tác khác sẽ mở ra những thuận lợi, cơ hội lớn để đẩy

---

[37] cụ thể như: tiêu chí về Hộ nghèo áp dụng đánh giá tỷ lệ hộ nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, tỷ lệ đạt từ mức ≤ 7% giảm xuống còn ≤ 4% (thực tế, sau khi chuyển từ phương thức đánh giá hộ nghèo đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 3,68% năm 2015 tăng lên 9,98% năm 2016); tiêu chí thu nhập mỗi năm tăng bình quân khoảng 4 triệu đồng/năm; tiêu chí về Tổ chức sản xuất yêu cầu phải có HTX hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ người dân tham gia BHYT tăng 4%/năm,…

mạnh xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản và thuỷ sản, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trung ương tiếp tục ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển vào chiều sâu và toàn diện hơn; định hướng liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đồng Tháp Mười,... cùng với sự năng động, sáng tạo của chính quyền tỉnh trong quản lý điều hành; sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và nhân dân, sẽ tạo ra cơ hội rất lớn cho việc tổ chức sản xuất theo chuỗi sản phẩm đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của Tỉnh.

Tuy nhiên nền sản xuất nhỏ, thiếu liên kết, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn nhiều yếu kém, việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị chưa đồng bộ; chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu cần có nguồn lực đầu tư lớn; tác động rõ nét của biến đổi khí hậu và dịch bệnh Covid-19; hội nhập kinh tế quốc tế mang lại cơ hội nhưng cũng đan xen những thách thức về cạnh tranh, hàng rào kỹ thuật trong thương mại khắt khe hơn; chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ sẽ gây bất lợi cho những ai chậm chân thay đổi khi muốn tham gia kết nối chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu,... tiếp tục là những thách thức lớn trong xây dựng NTM, TCCNN bền vững trong tình hình mới.

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng NTM gắn với TCCNN phải xoay quanh ba trụ cột chính là nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Trong đó, nông dân là trung tâm, chủ thể, nông thôn là nền tảng, cơ sở và nông nghiệp là động lực dựa vào phát triển liên kết, tổ chức cộng đồng. Hoạt động phát triển nông nghiệp phải dựa vào đổi mới tổ chức sản xuất, nâng cao trình độ nông dân, áp dụng khoa học công nghệ làm khâu đột phá; phát triển NTM phải lấy phát triển sinh kế, tạo thu nhập và việc làm ổn định cho lao động nông thôn, lấy cộng đồng làm đơn vị phát triển; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước, xã hội và thị trường. Nông nghiệp - nông dân - nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển tư duy từ "sản xuất nông nghiệp" sang "phát triển kinh tế nông nghiệp", từ chuỗi liên kết cung ứng nông sản sang liên kết giá trị ngành hàng, chuyển từ nền nông nghiệp sản lượng cao sang nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững, khởi tạo chuyển đổi số, chuyển từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa ngành, từ đơn giá trị sang tích hợp đa giá trị, từ hỗ trợ đầu vào sang vừa hỗ trợ đầu vào, vừa chú trọng hỗ trợ, kết nối đầu ra, quan tâm phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với chú trọng phát triển thị trường nội địa.

Phát huy tinh thần tự lực tự cường, chọn lọc kế thừa, nhưng phải đổi mới sáng tạo để phát triển, không trông chờ ỷ lại, phải chủ động và linh hoạt sáng tạo để biến không thành có, biến khó thành dễ, biến không thể thành có thể. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trên tinh thần "chăm chỉ - tự lực - hợp tác" trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả TCCNN, phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM theo hướng nông nghiệp bền vững, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, có trách nhiệm, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy tiềm năng lợi thế từng ngành, địa phương; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Xây dựng nông thôn mới:* Phấn đấu đến năm 2025: có **90%** xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có **30%** xã NTM đạt chuẩn NTM nâng cao, **10%** xã NTM nâng cao đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có thêm **05** đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện NTM và **01** đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao.

- *Về Tái cơ cấu ngành nông nghiệp:*

+ Ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp đến năm 2025.

+ Tăng trưởng khu vực nông - lâm - thuỷ sản bình quân **3,5%**/năm.

+ Thúc đẩy rút lao động ra khỏi nông nghiệp, tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm dưới **40%** trong tổng số lao động xã hội; thu nhập người dân nông thôn tăng **1,6** lần so năm 2020.

+ Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp, đảm bảo **100% HTX** hoạt động đúng Luật HTX năm 2012. Mỗi năm thành lập mới **07 HTX** nông nghiệp.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức trong toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp, HTX, THT, trang trại, tội quán, các tầng lớp nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức và hành động đối với chủ trương Xây dựng NTM gắn TCCNN, trong đó phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng đến mục tiêu nâng cao ý thức hợp tác, chăm chỉ, tiết kiệm để thoát nghèo, vươn lên khá giàu của người dân trong sản xuất và đời sống. Ngoài ra, các sở, ban, ngành cần phải tham gia sâu vào các chương trình, đề án; bộ phận tuyên truyền phải am hiểu và cập nhật kiến thức thường xuyên để làm tốt nhiệm vụ nhất là cấp cơ sở. Xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp uỷ, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể từ Tỉnh đến cơ sở.

2. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, sự quản lý của chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, chú trọng vai trò chủ thể của nhân dân

Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền, vai trò phối hợp của các đoàn thể trong tổ chức thực hiện

Chương trình xây dựng NTM gắn với TCCNN và an sinh xã hội bền vững thông qua các chương trình, kế hoạch cụ thể.

Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, các sở, ngành Tỉnh trong công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chương trình, đề án. Đặc biệt phát huy tối đa vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng NTM.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện về tổ chức, bộ máy điều hành Chương trình MTQG Xây dựng NTM, TCCNN. Phát huy hiệu quả hơn nữa hoạt động của các tổ chức quản lý cộng đồng như Hội quán, Ban phát triển ấp, Tổ nhân dân tự quản.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của người dân ở cơ sở; đưa các hoạt động xây dựng NTM, TCCNN đến với các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư.

3. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả theo hướng kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái gắn với thúc đẩy kinh tế số, chuyển đổi số trong nông nghiệp; nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của ngành, sản phẩm nông lâm thuỷ sản. Các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm:

3.1. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển bền vững, góp phần đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển nông nghiệp hàng hóa, tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tiếp tục phát triển các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, phát triển hệ thống sản xuất theo lợi thế sinh thái, đa canh, xen canh, kết hợp trồng trọt - chăn nuôi - thuỷ sản, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ và tiếp tục nâng cao quy mô sản xuất, chất lượng và hệ giá trị của các sản phẩm nông nghiệp đặc sản địa phương.

3.2. Phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản.

- Tổ chức sản xuất nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến, có tính đến những tác động của biến đổi khí hậu và thị hiếu thị trường để xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo đủ nguyên liệu cho cơ sở chế biến. Tạo hệ sinh thái nông nghiệp, môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để thu hút các doanh nghiệp "Đầu tàu" có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi

giá trị, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản tại các địa phương, các vùng có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics,... Ưu tiên hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

c) Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất; phát triển thị trường tiêu thụ nông lâm thuỷ sản, gia tăng giá trị, kim ngạch xuất khẩu, đồng thời coi trọng thị trường trong nước.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hợp tác xã thông minh làm kinh tế nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện cụ thể từng ngành hàng; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; phát triển, tổ chức lại thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước; kết nối nông sản với mạng lưới tiêu thụ quốc tế và các sàn thương mại điện tử; xây dựng thương hiệu nông sản chất lượng cao, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường, có uy tín và năng lực cạnh tranh.

- Củng cố và phát triển năng lực hệ thống thông tin, dự báo thị trường, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân để điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa thị trường trong nước với quốc tế. Thực hiện hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông lâm thuỷ sản, nhất là đối với các nông sản chủ lực,...

- Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, kết nối nhà sản xuất với nhà phân phối; chú trọng phát triển thương mại điện tử, các kênh phân phối, đa dạng hóa thị trường, nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường "ngách" để tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Khai thác hiệu quả cơ hội của các FTAs đem lại, nhất là các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP,... để phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Chủ động triển khai những giải pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng rào kỹ thuật, bảo đảm nhu cầu và bảo hộ hợp lý sản xuất theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định quốc tế. Xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm các qui định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt các chính sách xã hội và nâng cao đời sống của nông dân

4.1. Thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 với quy mô, chất lượng, hiệu quả ngày càng nâng cao

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn theo hướng công

nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng NTM phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, hướng tới NTM hiện đại. Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị; thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Xây dựng cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình; tiếp tục kiện toàn hệ thống bộ máy tổ chức triển khai chương trình ở các cấp theo hướng hiệu quả, chuyên nghiệp và đồng bộ từ Tỉnh đến cơ sở.

- Nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng NTM về hệ thống hạ tầng, bảo đảm phục vụ sản xuất và dân sinh theo hướng nâng cao hiệu quả và bền vững; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện.

- Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, khai thác lợi thế của từng địa phương; trong đó tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với phát triển kinh tế số, cơ giới hóa, chế biến quy mô nhỏ và vừa, phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng nông sản gắn với vùng nguyên liệu; theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nâng cao tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo qui chuẩn; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bình an, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn; phân loại rác tại nguồn và xử lý chất thải theo quy định; đồng thời phát triển các mô hình xử lý nước thải quy mô hộ. Xử lý môi trường ở những nơi gây ô nhiễm nghiêm trọng (làng nghề, bãi tập trung chôn lấp, xử lý rác, nước thải...); phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải, nước thải, rác thải.

- Chú trọng cao hơn chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe của người dân; phát huy hiệu quả Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trong xây dựng NTM; bảo tồn và phát huy sự đa dạng các giá trị văn hóa để nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn; phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân đối với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

4.2. Thực hiện tốt các chính sách xã hội và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

- Kết hợp, lồng ghép thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ hộ nghèo, các đối tượng yếu thế trong xã hội, chăm lo người có công với cách mạng; hỗ trợ các xã, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực biên giới.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo ATTP (GAP, GMP,...) áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO 22000...), sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm về an toàn thực phẩm, các sự cố mất an toàn thực phẩm. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng.

5. Thực hiện việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ

Phát triển, nâng cao trình độ, huy động nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ theo hướng hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, đặc biệt là đầu tư cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số trong nông nghiệp cũng như ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 trong phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống hạ tầng thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng hưởng thụ cho cư dân nông thôn.

Thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn để tăng cường đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất nông lâm thuỷ sản theo chuỗi,... Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi theo hướng hiện đại; nâng cấp hệ thống thuỷ lợi nội đồng. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thuỷ lợi, gắn lợi ích với quyền, trách nhiệm của người sử dụng, cộng đồng trực tiếp hưởng lợi; hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thuỷ lợi phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng; phát huy hiệu quả quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi; chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành các công trình thuỷ lợi theo định hướng thị trường. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thuỷ lợi, gắn lợi ích với quyền, trách nhiệm của người sử dụng, cộng đồng trực tiếp hưởng lợi. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thuỷ lợi phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông lâm thuỷ sản, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành; Quan tâm hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho các hợp tác xã đủ điều kiện (nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh) nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho thành viên các hợp tác xã.

Tiếp tục đầu tư vào năng lực cung cấp dịch vụ công (khuyến nông; thú y; bảo vệ thực vật; kiểm nghiệm, kiểm chứng chất lượng, an toàn thực phẩm; quan trắc, cảnh báo môi trường,...) và tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm.

Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, năng lực phòng chống thiên tai, hệ thống thuỷ lợi phục vụ nuôi trồng thuỷ sản và tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Xây dựng cơ sở hạ tầng liên xã, cấp huyện, liên huyện, bảo đảm tính kết nối theo hệ thống, nhất là về thuỷ lợi, giao thông, hạ tầng thương mại. Quan tâm đầu tư và có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Sử dụng hiệu quả huy động các nguồn ODA, các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút đầu tư có lựa chọn, bảo đảm hài hòa cả lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường.

6. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Nghiên cứu, chuyển giao, và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ thông tin; cùng với đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất để thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

Triển khai thực hiện chương trình, đề án phát triển, sản xuất giống phục vụ tái cơ cấu ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên sản xuất giống chất lượng cao và giống chủ lực của địa phương. Xây dựng, thực hiện Đề án phát triển khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực. Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cho phát triển các sản phẩm đặc sản của địa phương.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và khuyến nông, khuyến khích tối đa, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường; xã hội hóa hoạt động khoa học, công nghệ; phát triển thị trường khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học công nghệ; thực hiện phân cấp hoạt động khuyến nông cho các địa phương, các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Thực hiện hiệu quả và đảm bảo quản lý tốt các hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành; đáp ứng tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thuỷ sản.

7. Đào tạo nghề cho nông dân theo hướng "trí thức hóa nông dân", thực hiện có hiệu quả việc chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu TCCNN và bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ. Trong đó, có nguồn nhân lực cho sản xuất, cơ giới hóa và phát triển công nghiệp chế biến đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng NTM.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, theo các hướng (i) đào tạo nông dân chuyên nghiệp để có kỹ năng và trình độ làm kinh tế nông nghiệp (ii) đào tạo nghề phụ cho nông dân, nhất là phụ nữ để tăng cơ hội việc làm và thu nhập (iii) đào tạo nghề phục vụ cho chuyển dịch lao động ra khỏi nông nghiệp. Chuyển mạnh đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, đào tạo tại doanh nghiệp, nội dung đào tạo bao hàm cả tri thức sản xuất kinh doanh và thị trường, để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; rút bớt lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp và giữ lại đội ngũ "nông dân chuyên nghiệp".

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý các tổ chức kinh tế tập thể những kiến thức về sản xuất sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là những kiến thức về kinh tế tập thể, kinh tế nông nghiệp, chuỗi giá trị các ngành hàng; hỗ trợ để người dân làm chủ công nghệ thông tin trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm thay đổi tư duy phát triển, từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp.

Đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức (chuyên trách và kiêm nhiệm) làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, cán bộ các hiệp hội, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên các trường trên địa bàn Tỉnh về kinh tế tập thể.

Tạo các điều kiện ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực trẻ về nông thôn để khởi nghiệp, tham gia quản lý, kinh doanh trong nông nghiệp theo hướng hiện đại và bổ sung nguồn cán bộ quản lý nông nghiệp.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ tác động của thiên tai, dịch bệnh

- Thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều và các Nghị quyết của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai; phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng với biến đổi khí hậu và Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai; Kế hoạch phòng chống thiên tai Quốc gia. Nâng cao khả năng chống chịu, năng lực chủ động phòng tránh, giảm nhẹ, thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống công trình thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng trong nông nghiệp, thuỷ sản và phát triển rừng. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Chủ động ứng phó, giảm thiểu những rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra, nhất là khô hạn, xâm nhập

mặn, sạt lở bờ sông. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro các cấp, cộng đồng và người dân.

- Dự báo và nâng cao năng lực, hiệu quả công tác phòng chống, ứng phó kịp thời với dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và trên người, nhất là dịch bệnh xuyên biên giới.

- Bảo vệ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên trong ngành nông nghiệp. Tăng cường các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước, nguồn lợi thuỷ sản. Phối hợp xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng,... Kiểm soát chặt chẽ việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa.

9. Công tác thống kê, cải cách hành chính, giám sát, đánh giá thực hiện; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới gắn với Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Năng lực công tác thống kê, dự báo phải đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý. Phát triển hệ thống thông tin thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu công khai về sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ, xây dựng chính sách để hỗ trợ sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch hàng năm.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM, TCCNN; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu cập nhật thường xuyên kết quả tới các xã, ấp, công trình hạ tầng, sản phẩm OCOP trên địa bàn Tỉnh; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng. Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành Nông nghiệp các cấp để tăng cường sự chỉ đạo cấp uỷ đảng các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT